

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+MRM+P2+BK4	7:25	1+9+9	0+0+0		0+10+11+1	0+0+0	NGUOI NHA BK4 XNXL MAT
2		TD1+P9+P10	9:25	5+10+5	0+0+0		3+9+5	0+0+0	CHUYEN 1 P9- P10

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P3 - MRM - P2 - BK4	CREW: Hạnh - Mạnh - N.Nam	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH SON	P3	67	1	4		75	ANTOAN	Vietnamese
2	ZAVGORODNIY IGOR	MRM	73	1	8		65	KHOAN	Russian
3	DANG VAN CHINH	MRM	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN LONG NHAT	MRM	63-64	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGO THANH SON	MRM	74	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG SINH	MRM	67	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HAI LONG	MRM	65-66	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
8	VU ANH TRONG	MRM	72	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THIEU BINH	MRM	70-71	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DONG	MRM	68-69	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI LONG HUNG	P2	73	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	LE QUANG NINH	P2					62	KHI	Vietnamese
13	TA HUU TRI	P2	81-83	3	17		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DUY BAO	P2	79-80	2	15		80	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN HIEP	P2	76	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	PHAM THANH HUNG	P2	71	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	PHAM HONG VAN	P2	72	1	5	25	70	PSV	Vietnamese
18	TRUONG TRONG HAN	P2	74	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	PHAM THE CONG	P2	75	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGO SY TRUONG	P2	77	1	5		82	OMSC	Vietnamese
21	TRAN THE ANH	P2	78	1	5		50	OMSC	Vietnamese
22	VU NGOC QUANG	P2	86	1	5		80	DNV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	1	4	75	0	0		
2	MRM	9	13	87	612	0	10		
3	P2	12	14	77	817	25	11		
4	BK4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	168	1.504	25	22		
WEIGHT KG				168	1.504	25			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD1 - P9 - P10	CREW: Hạnh - Mạnh - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TOIB R.R	TD1	51	1	5		100	KHOAN	Russian
2	SHERBAKOV	TD1	54	1	6		95	KHOAN	Russian
3	NGUYEN HAI LAM	TD1	52-53	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VAN THINH	TD1	56	1	4		74	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN THANG	TD1	55	1	3		56	NIPI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HANH	P9	15-16	2	17		53	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG TUAN	P9	26	1	5	20	67	CODIEN	Vietnamese
8	VU TRONG NGHIA	P9	13-14	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC KHOA	P9	24	1	10	35	75	CODIEN	Vietnamese
10	PHAM HOANG	P9	21-22	2	10	30	63	CODIEN	Vietnamese
11	PHAM CONG TUAN	P9	20	1	6		57	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEN	P9	18	1	6		71	PSV	Vietnamese
13	LE VAN VIET	P9	17	1	5		77	PSV	Vietnamese
14	TRUONG VAN TOAN	P9	29	1	7		53	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	P9	19	1	9		69	PSV	Vietnamese
16	TRAN MINH BACH	P10	04	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN QUAN	P10	05	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	BUI VAN NGUYEN	P10	01	1	3		70	PSV	Vietnamese
19	PHAM VAN VIET	P10	02	1	4	40	65	PSV	Vietnamese
20	VU XUAN TIEN	P10	03	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	5	6	28	390	0	4		CHUYEN 1 PAX P9 SANG P10
2	P9	10	13	86	655	85	12	2	
3	P10	5	5	21	329	40	5		
TOTAL		20	24	135	1.374	125	21		
WEIGHT KG				135	1.374	125			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN